

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:
“Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán
và in vải sợi các loại, công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300 tấn
sản phẩm/năm” do Công ty TNHH MTV Run Yao làm chủ đầu tư
tại lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng,
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm,
gia công dán và in vải sợi các loại, công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300
tấn sản phẩm/năm” họp ngày 26/02/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công
suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại,
công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300 tấn sản phẩm/năm” đã được chỉnh
sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/2021/RV-MT ngày 04/11/2021 của Công ty
TNHH MTV Run Yao;*

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 85/TTr-BQL ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300 tấn sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH MTV Run Yao (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm chủ đầu tư tại lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất 4.800 tấn/năm” và Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Run Yao được thay đổi một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất 4.800 tấn/năm” do Công ty TNHH MTV Run Yao làm Chủ đầu tư tại lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Run Yao và Thủ trưởng

các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND xã Minh Hưng;
- Chi nhánh Công ty TNHH C&N Vina MHK;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-83-QĐPD-17/11).

K CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
“NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG DỆT NHUỘM, GIA CÔNG DÁN VÀ IN VẢI SỢI CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT TỪ 4.800 TẤN SẢN PHẨM/NĂM LÊN 6.300 TẤN SẢN PHẨM/NĂM” DO CÔNG TY TNHH MTV RUN YAO LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ D1, D3, KCN MINH HƯNG - HÀN QUỐC, XÃ MINH HƯNG, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 296A.../QĐ-UBND ngày 18../11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô D1, D3 KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Run Yao.

Địa chỉ liên hệ: Lô D1, D3 KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 6.300 tấn sản phẩm/năm” được thực hiện trên tổng diện tích 30.682,1 m² tại lô D1, D3 KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục công trình như sau:

- Công trình chính: Văn phòng, nhà xưởng 1, kho hóa chất, phòng thí nghiệm, nhà xưởng 2, nhà nghỉ chuyên gia, nhà nổi hơi.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, hệ thống quan trắc khí thải tự động...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình nhuộm sợi:

Sợi vải → Nhuộm → Xả nước → Vắt nước → Định hình → Sấy khô → Kiểm tra và đóng gói → Sản phẩm⁽¹⁾ (100% chuyển qua quy trình dệt).

1.5.2. Quy trình dệt vải:

Nguyên liệu (sợi) đã nhuộm⁽¹⁾ → Cuộn sợi → Dệt vải → Sản phẩm vải dệt⁽²⁾.

65% Sản phẩm vải dệt⁽²⁾ → Chuyển qua quá trình in vải.

35% Sản phẩm vải dệt⁽²⁾ → Bán ra thị trường.

1.5.3. Quy trình nhuộm vải từ vải thô:

Vải thô → Nhuộm → Xả nước → Vắt khô → Định hình → Kiểm, đóng gói → Sản phẩm vải thô nhuộm⁽³⁾.

35% Sản phẩm vải thô nhuộm⁽³⁾ → Qua quá trình in vải.

65% Sản phẩm vải thô nhuộm⁽³⁾ → Bán ra thị trường.

1.5.4. Quy trình in vải:

65% Sản phẩm vải dệt⁽²⁾ và 35% Sản phẩm vải thô nhuộm⁽³⁾ → In hoa → Kiểm, đóng gói → Vải in thành phẩm xuất bán.

1.5.5. Quy trình dán vải:

Vải → Dán vải → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Nhập kho và xuất hàng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Chủ Dự án đã cơ bản xây dựng hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục công trình khác, tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu hoạt động, Chủ Dự án xây dựng, cải tạo một số hạng mục công trình xây dựng (xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bể thu nước mưa và phòng cháy chữa cháy; mở rộng nhà xưởng 1, nhà nồi hơi; cải tạo giảm diện tích nhà xưởng 2, nhà văn phòng...) và lắp đặt trang bị máy móc thiết bị sản xuất.

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* Bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, coliforms...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 01 m³/ngày, chủ yếu chứa các tạp chất như xi măng, đất, cát... với hàm lượng TSS rất cao.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày, thành phần có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã và vi sinh...

- *Nước thải sản xuất*: Phát sinh khoảng 547,4 m³/ngày bao gồm nước thải từ công đoạn nhuộm vải, nhuộm sợi, nước thải từ phòng thí nghiệm, nước vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, xả đáy lò hơi... Nước thải sản xuất chứa các chất ô nhiễm như: Cặn lơ lửng, kim loại nặng, BOD₅, COD...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và phương tiện máy móc thi công xây dựng*: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO₂, SO₂, CO, VOC...

- *Khí thải phát sinh từ quá trình hàn*: Chứa các chất độc hại như MnO₂, SiO₂, P₂O₅, CO... tồn tại ở dạng khói bụi.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sơn*: Chủ yếu chứa bụi, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy*: Thành phần khí thải gồm bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất*: Chủ yếu phát sinh từ quá trình dệt sợi; hơi hóa chất phát sinh từ quá trình nhuộm, dán vải; bụi và khí thải từ lò hơi... Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO₂, CO, Cl₂, hơi anilin, axit acrylic...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 50 kg/ngày, thành phần chủ yếu là gỗ coffa, cây chống, sắt thép dư thừa, các loại vỏ bao bì đựng xi măng, vữa xi măng thừa...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 25 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Khối lượng phát sinh khoảng 256,65 tấn/năm bao gồm vải, sợi hư hỏng, xỉ than và khoảng 10,8 tấn bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn thải không vượt ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước)...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 78 kg/ngày. Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ (thực phẩm, thức ăn dư thừa, rau quả...), thành phần còn lại chủ yếu là giấy, nhựa, plastic, PVC, thủy tinh, vỏ hộp, lon, chai đựng đồ ăn thức uống...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 112 kg. Thành phần chủ yếu là cặn dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu, sơn khô cứng dư thừa, chất chống thấm, thùng chứa sơn, thùng chứa dầu, que hàn, cọ dính sơn...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 11,05 tấn/tháng gồm: cặn dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, bao bì thải, hóa chất thải bỏ, bóng đèn huỳnh quang, mực máy in, và khoảng 10,8 tấn bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn thải vượt ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước)...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Bố trí 03 nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào hố ga lắng cặn và tái sử dụng cho quá trình thi công.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình thi công.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:* Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nước thải từ quá trình sản xuất với quy trình xử lý như sau:

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, nước thải sản xuất) → Hố thu → Máy chắn rác → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Thùng điều chỉnh pH → Bể kị khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng hóa học → Bể xả thải → Hệ thống thu gom nước thải KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Hệ thống thu gom nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công trên công trường:* Các phương tiện vận chuyển phục vụ cho Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường và được bảo dưỡng thường xuyên; bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý; bố trí thời gian thi công hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình đào đất, đắp đất:* Tưới nước trong các ngày nắng ở những khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở vật liệu phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình:* Bố trí thời gian thi công hợp lý; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí cho công nhân; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Thường xuyên phun ẩm và vệ sinh các tuyến đường nội bộ và đường ra vào nhà máy; kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình dẹt sợi:* Thiết kế nhà xưởng có độ thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt hút thông gió; trang bị các loại máy dẹt tích hợp sẵn bộ phận hút bụi; trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi hóa chất:* Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng; lắp đặt hệ thống quạt hút thông gió; sử dụng các buồng nhuộm kín, quá trình nhuộm được thực hiện hoàn toàn tự động bằng máy móc; hóa chất được pha trộn với nhau bằng hệ thống trộn tự động; sử dụng các hóa chất thân thiện với môi trường; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải lò hơi:* Lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình xử lý như sau: Khí thải lò hơi → Ống thu khí từ lò hơi → Cyclone tách bụi → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ → Ống thoát (chiều cao 19,1 m, đường kính 0,6 m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao

động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, lưu chứa trong kho chứa tạm thời diện tích 12 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, lưu giữ vào kho chứa chất thải sinh hoạt với diện tích 29,15 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 53 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải nguy hại* được thu gom, phân loại và chứa vào các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn và đặt tại khu vực kho tạm 12 m²... Hợp đồng với đơn vị có

chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 29,15 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, bố trí máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách thích hợp, không tập trung máy móc trong một khu vực, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, tổ chức thi công hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn, định kỳ bảo dưỡng trang thiết bị, đảm bảo tỷ lệ cây xanh, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (04 bể, tổng thể tích 40 m³).
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày.đêm.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 15 tấn/giờ (số lượng: 02 hệ thống; công suất quạt hút: 20.000 m³/giờ/hệ thống).
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (số lượng: 01 kho; diện tích: 29,15 m²), khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng: 01 kho, diện tích 53 m²).
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (số lượng: 01 kho, diện tích 29,15 m²).
- 01 hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đối với 02 lò hơi.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực xây dựng.
- *Thông số giám sát*: Tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong suốt thời gian thi công xây dựng.
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm

việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực dệt: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực in, dán vải: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, axít acrylic.

+ 01 vị trí tại khu vực nhuộm sợi và nhuộm vải: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, Cl₂, hơi anilin.

+ 01 vị trí tại khu vực phòng thí nghiệm: CO, SO₂, NO₂, Cl₂, hơi anilin.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải tại nguồn

* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí tại 02 ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, nhiệt độ, SO₂, NO₂, CO.

- *Tần suất giám sát*: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$).

* *Giám sát, quan trắc tự động đối với hệ thống xử lý khí thải*:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí sau hệ thống quan trắc khí thải tự động của 02 lò hơi.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2 , NO_x , CO.

- *Tần suất giám sát*: Tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$).

5.2.3. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát*:

+ 01 vị trí tại hồ thu nước (đầu vào) của hệ thống xử lý nước thải nhà máy.

+ 01 vị trí tại hồ ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà máy.

+ 01 vị trí tại đầu vào thùng điều chỉnh pH và 01 vị trí tại đầu ra bể lắng sinh học (cụm xử lý sinh học).

+ 01 vị trí tại đầu vào bể trung gian và 01 vị trí tại đầu ra bể lắng hóa học (cụm xử lý hóa lý).

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, màu, COD, BOD_5 , SS, amoni, tổng N, tổng P, coliforms, Cr^{+6} ; Cu, Pb, Fe.

- *Tần suất giám sát*: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (cột B – QCVN 40:2011 BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày

30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực dệt: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực in, dán vải: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, axit acrylic.

+ 01 vị trí tại khu vực nhuộm sợi và nhuộm vải: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, Cl₂, hơi anilin.

+ 01 vị trí tại khu vực phòng thí nghiệm: CO, SO₂, NO₂, Cl₂, hơi anilin.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí tại 02 ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, nhiệt độ, SO₂, NO₂, CO.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$).

* *Giám sát, quan trắc tự động đối với hệ thống xử lý khí thải:*

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí sau hệ thống quan trắc khí thải tự động của 02 lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO.

- *Tần suất giám sát*: Tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$).

5.3.3. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát*:

+ 01 vị trí tại hố thu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhà máy.

+ 01 vị trí tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà máy.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, màu, COD, BOD₅, SS, amoni, tổng N, tổng P, coliforms, Cr⁺⁶; Cu, Pb, Fe.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (cột B QCVN 40:2011 BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Đối với 02 lò hơi (tổng công suất 30 tấn hơi/giờ): Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo đúng quy định.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.